

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán
kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách Nhà nước tại tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 26/TTr-LS/TC-KHCN ngày 05/10/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước tại tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Hòa

**ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ
ĐỐI VỚI CÁC ĐỀ TÀI DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2007/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. Đề tài, dự án cấp tỉnh:

a) Đối với hoạt động phục vụ công tác quản lý :

Đơn vị : Ngàn đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi đối với đề tài cấp tỉnh định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
1	2	3	5	6	7
1	<i>Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN</i>				
a	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố.	Đề tài, dự án	1.000	1.000	1.000
b	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án				
-	Chủ tịch Hội đồng		200	200	200
-	Thành viên, thư ký khoa học		150	150	150
-	Thư ký hành chính		100	100	100
-	Đại biểu được mời tham dự		50	50	50
2	<i>Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì</i>				
a	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện				
-	Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	450	360	300
-	Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	400	320	280
-	Nhiệm vụ có từ 7 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	360	280	250
b	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng				-
-	Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	300	240	200
-	Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	270	210	180
-	Nhiệm vụ có trên 07 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	250	200	170
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án				
-	Chủ tịch Hội đồng		300	240	200

Đơn vị : Ngàn đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi đối với đề tài cấp tỉnh định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
1	2	3	5	6	7
-	Thành viên, thư ký khoa học		200	160	140
-	Thư ký hành chính		150	120	100
-	Đại biểu được mời tham dự		70	60	50
3	<i>Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án</i>				
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	đề tài, dự án	250	200	170
-	Thành viên tham gia thẩm định	đề tài, dự án	200	160	140
4	<i>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN</i>				
a	Nhận xét đánh giá				
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	đề tài, dự án	1.000	800	700
-	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	đề tài, dự án	600	480	420
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).	Báo cáo	1.000	800	700
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án			
-	Tổ trưởng		250	200	170
-	Thành viên		200	160	140
-	Đại biểu được mời tham dự		70	60	50
d	Họp Hội đồng nghiệm thu chính thức	Đề tài, dự án			
-	Chủ tịch Hội đồng		400	320	280
-	Thành viên, thư ký khoa học		300	240	200
-	Thư ký hành chính		150	120	100
-	Đại biểu được mời tham dự		70	60	50

b) Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ:

Đơn vị : Ngàn đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi đối với đề tài cấp tỉnh định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
1	2	3	5	6	7
1	<i>Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt</i>	Đề tài, dự án	2.000	1.600	1.400
2	<i>Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình KHCN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)</i>	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		10.000	8.000	7.000
	- Chuyên đề loại 2		30.000	24.000	21.000
3	<i>Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH và nhân văn</i>	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		8.000	6.400	5.600
	- Chuyên đề loại 2		12.000	9.600	8.400
4	<i>Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án</i>		3.000	2.400	2.100
5	<i>Lập mẫu phiếu điều tra:</i>	Phiếu mẫu được duyệt			
	- Trong nghiên cứu KHCN		500	400	350
	-Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn:				
	+ Đến 30 chỉ tiêu		500	400	350
	+ Trên 30 chỉ tiêu		1.000	800	700
6	<i>Cung cấp thông tin :</i>	Phiếu			
	- Trong nghiên cứu KHCN		50	40	35
	- Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn:				
	+ Đến 30 chỉ tiêu		50	40	35
	+ Trên 30 chỉ tiêu		70	60	50
7	<i>Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra</i>	Đề tài, dự án	4.000	3.200	2.800
8	<i>Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)</i>	Đề tài, dự án	12.000	9.600	8.400
9	<i>Tư vấn đánh giá nghiệm thu nghiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ)</i>				
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài, dự án	800	600	500
-	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, dự án	500	400	350

Đơn vị : Ngàn đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi đối với đề tài cấp tỉnh định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở/nghiệm thu nội bộ (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).	Báo cáo	800	600	500
c	Hợp tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp			
-	Tổ trưởng		200	160	140
-	Thành viên		150	120	100
-	Đại biểu được mời tham dự		70	60	50
d	Họp Hội đồng nghiệm thu	Buổi họp			
-	Chủ tịch Hội đồng		200	160	140
-	Thành viên, thư ký khoa học		150	120	100
-	Thư ký hành chính		100	80	70
-	Đại biểu được mời tham dự		70	60	50
10	Hội thảo khoa học	Buổi hội thảo			
-	Người chủ trì		200	160	140
-	Thư ký hội thảo		100	80	70
-	Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng		500	400	350
-	Đại biểu được mời tham dự		70	60	50
11	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	1.000	800	700
12	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho Thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).	Năm	15.000	12.000	10.000

II. Cấp cơ sở, huyện, ngành

a) Đối với hoạt động phục vụ công tác quản lý :

Đơn vị : Ngàn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Đề tài cấp huyện, ngành định mức theo quy mô
-----	--------------------	--------	--

		tính	Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
1	2	3	4	5	6
1	<i>Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN</i>				
a	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố.	Đề tài, dự án	700		
b	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án				
-	Chủ tịch Hội đồng		150		
-	Thành viên, thư ký khoa học		100		
-	Thư ký hành chính		70		
-	Đại biểu được mời tham dự		30		
2	<i>Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì</i>				
a	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện				
-	Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	300	250	200
-	Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	280	220	190
-	Nhiệm vụ có từ 7 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	250	190	170
b	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng				
-	Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	200	160	140
-	Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	180	150	120
-	Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	170	140	100
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án				
-	Chủ tịch Hội đồng		200	160	140
-	Thành viên, thư ký khoa học		140	110	100
-	Thư ký hành chính		100	80	70
-	Đại biểu được mời tham dự		50	40	30
3	<i>Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án</i>				
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài, dự án	170	140	100
-	Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài, dự án	140	110	100

Đơn vị : Ngân đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài cấp huyện, ngành định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
1	2	3	4	5	6
4	<i>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN</i>				
a	Nhận xét đánh giá				
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	đề tài, dự án	700	550	500
-	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	đề tài, dự án	400	330	290
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).	Báo cáo	700	550	500
c	Hợp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án			
-	Tổ trưởng		170	140	100
-	Thành viên		140	100	90
-	Đại biểu được mời tham dự		50	40	30
d	Hợp Hội đồng nghiệm thu chính thức	Đề tài, dự án			
-	Chủ tịch Hội đồng		280	220	190
-	Thành viên, thư ký khoa học		200	150	140
-	Thư ký hành chính		100	80	70
-	Đại biểu được mời tham dự		50	40	30

b) Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ:

Đơn vị : Ngân đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài cấp huyện, ngành định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
1	<i>Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt</i>	Đề tài, dự án	1.400	1.000	900

Đơn vị : Ngàn đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài cấp huyện, ngành định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
2	<i>Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình KHCN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)</i>	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		7.000	5.000	4.000
	- Chuyên đề loại 2		20.000	15.000	13.000
3	<i>Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH và nhân văn</i>	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		5.000	4.000	3.000
	- Chuyên đề loại 2		8.000	6.000	5.000
4	<i>Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án</i>		2.000	1.500	1.000
5	<i>Lập mẫu phiếu điều tra:</i>	Phiếu mẫu được duyệt			
	- Trong nghiên cứu KHCN		350	250	200
	- Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn:				
	+ Đến 30 chỉ tiêu		350	250	200
	+ Trên 30 chỉ tiêu		700	550	450
6	<i>Cung cấp thông tin :</i>	Phiếu			
	- Trong nghiên cứu KHCN		35	30	25
	- Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn:				
	+ Đến 30 chỉ tiêu		35	30	25
	+ Trên 30 chỉ tiêu		50	40	30
7	<i>Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra</i>	Đề tài, dự án	2.500	2.000	1.500
8	<i>Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)</i>	Đề tài, dự án	8.000	6.000	5.000
9	<i>Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ)</i>				
a	Nhận xét đánh giá				
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài, dự án	400	350	250
-	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, dự án	300	250	150
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở/nghiệm thu nội bộ (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm	Báo cáo	500	400	300

Đơn vị : Ngàn đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài cấp huyện, ngành định mức theo quy mô		
			Từ 500 triệu đồng trở lên	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	Dưới 300 triệu đồng
	quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).				
c	Họp tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp			
-	Tổ trưởng		140	100	70
-	Thành viên		100	80	60
-	Đại biểu được mời tham dự		50	40	30
d	Họp Hội đồng nghiệm thu	Buổi họp			
-	Chủ tịch Hội đồng		140	100	80
-	Thành viên, thư ký khoa học		100	70	50
-	Thư ký hành chính		70	50	40
-	Đại biểu được mời tham dự		50	40	30
10	<i>Hội thảo khoa học</i>	Buổi hội thảo			
	- Người chủ trì		140	100	90
	- Thư ký hội thảo		70	50	40
	- Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng		350	250	150
	- Đại biểu được mời tham dự		50	40	30
11	<i>Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án</i>	Tháng	700	500	300
12	<i>Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho Thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).</i>	Năm	10.000	8.000	6.000